

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Vật liệu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ THU NGÀ

2. Ngày tháng năm sinh: 28/11/1981; Nam ☐ ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Tân Lập - Huyện Đan Phượng - Thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): P403 B2 Khu tập thể GV Đại học CN GTVT, 54 Triều Khúc – Thanh Xuân Nam – Thanh Xuân – Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): P906 CT01 CC HVQY103 Yên Xá – Tân Triều – Thanh Trì – Hà Nội

Điện thoại di động: 0963532266; E-mail: nganttt@utt.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9 năm 2004 đến tháng 8 năm 2006: Giảng viên, Tổ môn công trình – Phân hiệu Thái Nguyên - trường Cao đẳng Giao thông vận tải (nay là trường Đại học Công nghệ GTVT).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 9 năm 2006 đến tháng 8 năm 2008: Giảng viên, Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải (nay là trường Đại học Công nghệ GTVT).

Từ tháng 9 năm 2008 đến tháng 3 năm 2011: Giảng viên, Bộ môn Cơ sở kỹ thuật, Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải (nay là trường Đại học Công nghệ GTVT).

Từ tháng 2 năm 2011 đến tháng 6 năm 2024: Giảng viên, Bộ môn Cơ lý thuyết – Sức bền vật liệu, Khoa Cơ sở kỹ thuật, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

Từ tháng 7 năm 2024 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Quy hoạch và Giao thông đô thị, Khoa Cơ sở kỹ thuật, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

Địa chỉ cơ quan: Số 54 Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243.854 4264.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 06 năm 2004; số văn bằng: B473082; ngành: Xây dựng Cầu đường; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 05 tháng 10 năm 2009; số văn bằng: A053408; ngành: Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 04 năm 2017; số văn bằng: 006802; ngành: Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông vận tải.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu vật liệu bê tông tiên tiến cho công trình giao thông;

- Hướng nghiên cứu 2: Ổn định kết cấu và gia cố nền đường;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Hướng nghiên cứu 3: Nâng cao quản lý và đánh giá an toàn hệ thống công trình giao thông.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính 11 HVCH và đã bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp cơ sở;
- Đã công bố 50 bài báo khoa học, trong đó có 16 bài báo khoa học đã công bố trên tạp chí và hội thảo quốc tế có uy tín, trong đó: 01 bài SCIE (là tác giả chính); 01 bài ESCI/Scopus (là tác giả chính), 03 bài Scopus (là tác giả chính và tác giả liên hệ), 01 bài đăng trên tạp chí/hội nghị có chỉ số Scopus (là tác giả chính và tác giả liên hệ);
- Số lượng sách đã xuất bản: chủ biên 01 sách tài liệu tham khảo và tham gia 01 giáo trình.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải năm học 2014-2015, số 3134/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 08 năm 2015;
- Giấy khen của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải năm 2020, số 82/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 6 tháng 1 năm 2021;
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển Giao thông vận tải Việt Nam, số 164/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 02 năm 2025.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất đạo đức và tư tưởng tốt; lý lịch bản thân rõ ràng; luôn chấp hành nghiêm túc đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải cũng như địa phương cư trú.
- Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; luôn nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; cởi mở, thân thiện, sẵn sàng hỗ trợ người học; đoàn kết và hòa nhã với đồng nghiệp.
- Có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu ở bậc đại học và sau đại học.
- Có kỹ năng cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn cũng như năng lực nghiên cứu khoa học.
- Có sức khỏe đảm bảo để thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp và phù hợp với vị trí việc làm.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 20 năm 10 tháng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	0	0	2		255	60	315/449/270
2	2020-2021	0	0	2		375	30	375/461/270
3	2021-2022	0	0	0		435	60	435/501/216 ^(a)
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	2		285	30	285/365/168 ^(a)
5	2023-2024	0	0	0		150	15	165/180/125 ^(a)
6	2024-2025	0	0	0		442.5	75	502.5/637.5/270
(a) Nghỉ thai sản, nuôi con nhỏ và học tập, bồi dưỡng.								

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học tại Trung tâm Ngoại ngữ Leeds; Tại nước: Vương quốc Anh; từ 10/2009 đến tháng 10/2011.

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Công nghệ GTVT

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Chứng chỉ Tiếng Anh (IELTS 5.5).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Tùng Quang		HVCH	✓		11/2018 - 4/2019	Đại học Công nghệ GTVT	Số hiệu: A214948 cấp ngày 30/10/2019
2	Vũ Anh Thống		HVCH	✓		11/2018 - 4/2019	Đại học Công nghệ GTVT	Số hiệu: A214925 cấp ngày 30/10/2019
3	Nguyễn Tú Anh		HVCH	✓		1/2019 - 6/2019	Đại học Công nghệ GTVT	Số hiệu: A214985 cấp ngày 30/10/2019
4	Đỗ Quốc Toàn		HVCH	✓		3/2019- 8/2019	Đại học Công nghệ GTVT	Số hiệu: A215010 cấp ngày 30/12/2019
5	Nguyễn Hồng Hải		HVCH	✓		3/2019- 8/2019	Đại học Công nghệ GTVT	Số hiệu: A215014 cấp ngày 30/12/2019
6	Nguyễn Thế Vinh		HVCH	✓		11/2019- 04/2020	Đại học Công nghệ GTVT	Số hiệu: UTT000187 cấp ngày 03/12/2020
7	Nguyễn Thành Trung		HVCH	✓		11/2019- 04/2020	Đại học Công nghệ GTVT	Số hiệu: UTT000185 cấp ngày 03/12/2020
8	Đào Quang Trung		HVCH	✓		12/2020- 5/2021	Đại học Công nghệ GTVT	Số hiệu: UTT000477 cấp ngày 21/01/2022
9	Đỗ Xuân Thành		HVCH	✓		12/2020- 5/2021	Đại học Công nghệ GTVT	Số hiệu: UTT000474 cấp ngày 21/01/2022
10	Cao Tiến Dũng		HVCH	✓		12/2022 – 5/2023	Đại học Công nghệ GTVT	Số hiệu: UTT000996 cấp ngày 18/09/2024
11	Hoàng Bá Tuấn		HVCH	✓		12/2022 – 5/2023	Đại học Công nghệ GTVT	Số hiệu: UTT000997 cấp ngày 18/09/2024

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Sức bền vật liệu	GT	Nhà xuất bản Giao thông vận tải năm 2016	3			Số 3006/VB- ĐHCNGTVT ngày 18 tháng 4 năm 2025, Xác nhận mục đích sử dụng sách
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Bê tông đầm lăn trong xây dựng công trình giao thông	TK	Nhà xuất bản Giao thông vận tải năm 2021	3	✓	Biên soạn chương 2,3,4 từ trang 28 đến trang 99.	Số 3007/VB- ĐHCNGTVT ngày 18 tháng 4 năm 2025, Xác nhận mục đích sử dụng sách

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu ứng dụng các loại phụ gia nâng cao tuổi thọ bê tông xi măng trong các công trình giao thông ven biển ở Việt Nam	CN	Mã số: ĐTTĐ2021- 02, cấp cơ sở	05/2021- 12/2022	Biên bản nghiệm thu ngày 17/11/2022. Xếp loại: Đạt
2	Nghiên cứu tối ưu hóa thành phần cấp phối, cải thiện các chỉ tiêu cơ lý của bê tông xi măng tự lên có tro bay kết hợp với graphene oxide để ứng dụng trong công	CN	Mã số: ĐTTĐ2023- 15, cấp cơ sở	11/2023- 4/2025	Biên bản nghiệm thu ngày 25/04/2025 Xếp loại: Đạt

	tác sửa chữa, bảo trì công trình giao thông				
--	--	--	--	--	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Phân tích cổ kết nền đường đắp trên đất yếu qua phần mềm SIGMA/W – SEEP/W	2	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 11, Trang 12-16	11/2009
2	Thiết kế cấp phối các cốt liệu trong bê tông đầm lún theo các tiêu chuẩn tối ưu	1	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 7, Trang 31 - 33	7/2014
3	Khái quát các phương pháp thiết kế bê tông đầm lún trong xây dựng đường ở Việt Nam	3	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 1+2, Trang 60-64	1+2/2015
4	Nghiên cứu các yếu tố chính ảnh hưởng đến tính công tác của bê tông đầm lún bằng phương pháp qui hoạch thực nghiệm	1	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 5, Trang 13-18	5/2015
5	Nghiên cứu thực nghiệm tính co ngót của bê tông đầm lún	2	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 10, Trang 29-31	10/2015
6	Đánh giá độ tin cậy trong đo lường cường độ chịu nén của bê tông đầm lún	1	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 11, Trang 22 - 25	11/2015
7	Influence of some key factors on coefficient of thermal expansion	3	Tác giả chính	International Conference of Asian Concrete Federation (ACF				11/2016

	of roller compacted concrete in Viet Nam			2016), ISSN 2465-7964				
II	Sau khi được công nhận TS							
8	Một số tính chất của bê tông đầm lăn ảnh hưởng đến chất lượng thi công	1	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 6, Trang 27-31	6/2017
9	Heat of Hydration Analysis in Concrete Structures for Technical Floor https://iaeme.com/MasterAdmin/Journal_uploads/IJCIET/VOLUME_8_ISSUE_11/IJCIET_08_11_039.pdf	2	Tác giả chính	International Journal of Civil Engineering and Technology, Volume 8, Issue 11	Scopus		pp. 368-375	11/2017
10	Research regression equation of strength of roller compacted concrete for road construction https://iaeme.com/MasterAdmin/Journal_uploads/IJCIET/VOLUME_8_ISSUE_11/IJCIET_08_11_040.pdf	1	Tác giả chính	International Journal of Civil Engineering and Technology, Volume 8, Issue 11	Scopus		pp. 376-382	11/2017
11	Nghiên cứu sử dụng phụ phẩm nhà máy nhiệt điện Vũng Áng I làm vật liệu xây dựng đường giao thông nông thôn	1	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 9, Trang 18-25	9/2018
12	Tổng quan về một số loại phụ gia khoáng trong chế tạo bê tông	2	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 10, Trang 22-31	10/2018
13	Influence shrinkage and thermal expansion coefficient to design length of slab for roller compacted concrete pavement	2	Tác giả chính	International Conference on Sustainability in Civil Engineering (ICSCE 2018), UTC.			Trang 321-324	2018
14	Nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố rủi ro kỹ thuật trong xây dựng công trình	2		Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 9, Trang 23-29	7/2019

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	giao thông đường bộ ở Nghệ An		Tác giả chính					
15	Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng chính đến chất lượng khai thác đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai	2	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 4, Trang 40-46	4/2020
16	Research Some Key Risk Factors in Construction DOI 10.1088/1757-899X/869/6/062020	2	Tác giả chính	IOP Conf. Series: Materials Science and Engineering, ISSN:1757-8981 E-ISSN:1757-899X	Scopus	5		6/2020
17	Experimental Evaluation of Nano Silica Effects to High Performance Concrete Strength in Early Age DOI 10.1088/1757-899X/869/3/032011	5		IOP Conf. Series: Materials Science and Engineering, ISSN:1757-8981 E-ISSN:1757-899X	Scopus			6/2020
18	Tính toán độ ổn định mái taluy nền đường gia cố bằng bao địa kỹ thuật	4	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 7, Trang 29-34	7/2020
19	Phân tích ảnh hưởng của tỷ lệ tro bay và cát mịn đến cường độ chịu nén của bê tông bọt làm vật liệu san lấp tự lèn	2	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 10, Trang 89-92	10/2020
20	Kiểm toán ổn định mái dốc theo lý thuyết độ tin cậy	2	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 10, Trang 97-102	10/2020
21	The Effect of The Setbackangle on Overturning Stability of The Retaining Wall https://tcsj.utc.edu.vn/index.php/tcgtvt/issue/view/19	4	Tác giả chính	Transport and Communications Science Journal, Vol. 72, Issue 1 (01/2021), 66-75.			Số 1, Trang 66-75	1/2021

22	Assessment compress strength of high-performance concrete with variable content of nano silica by one-way anova and tukey's method	3	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 3, Trang 62-66	3/2021
23	Effect of Nano-Silica content on compressive strength and modulus of elasticity of High-Performance Concrete DOI: 10.1007/978-981-16-0053-1_19	5		Lecture Notes in Civil Engineering ISSN:2366-2557 E-ISSN:2366-2565	Scopus, Q4	3		4/2021
24	Nghiên cứu giải pháp nâng cao công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ	2	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 5, Trang 47-52	5/2021
25	Phân tích ảnh hưởng của nhiệt độ bảo dưỡng đến cường độ của vữa Geopolymer tro bay	2		Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 7, Trang 47-51	7/2021
26	Initial Parameters Affecting the Multilayer Doubly Curved Concrete Shell Roof DOI: 10.1155/2021/7999103	7		Advances in Civil Engineering ISSN:1687-8086 E-ISSN:1687-8094.	SCIE IF 1.924 Q2			8/2021
27	Phương pháp Taguchi đánh giá ảnh hưởng của một số yếu tố chính đến cường độ của vữa Geopolymer tro bay	2	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 8, Trang 53-56	8/2021
28	Đề xuất một số giải pháp gia cố mở rộng nền đường đắp trên nền đất yếu vùng đồng bằng sông Cửu Long	2	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 10, Trang 33-37	10/2021

29	Two-Layered Steel Fiber Concrete Beam with Concrete Grade Change in Layers DOI: 10.1007/978-981-16-6978-1_34	4		Lecture Notes in Civil Engineering ISSN:2366-2557 E-ISSN:2366-2565.	Scopus, Q4	5	Pages 427-443	10/2021
30	Móng gia cố xi măng trong kết cấu áo đường nửa cứng	2	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 11, Trang 90-93	11/2021
31	The strength of fly ash concrete of experimental design DOI: 10.34910/MCE.109.11	5	Tác giả chính	Magazine of Civil Engineering, ISSN: 2712-8172	ESCI SCOPUS, IF 1.3 Q3	3		2022
32	Combination of additives to characteristics of concrete in marine works DOI: 10.34910/MCE.112.4	5		Magazine of Civil Engineering, ISSN: 2712-8172	ESCI SCOPUS, IF 1.3 Q3	2		2022
33	Fracture characteristics of high-performance concrete using nano-silica DOI: 10.34910/MCE.114.2	5		Magazine of Civil Engineering, ISSN: 2712-8172	ESCI SCOPUS, IF 1.3 Q3	2		2022
34	Chuyển đổi dữ liệu trong nghiên cứu thực nghiệm	3	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 11, Trang 58-62	7/2022
35	Đánh giá ảnh hưởng của tro bay, muối silic đến khả năng chống thấm clorua của bê tông	2	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 9, Trang 37-40	9/2022
36	Đánh giá thay đổi cấu trúc của hỗn hợp có phụ gia khoáng bằng phương pháp phân tích tiên tiến	1	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 6, Trang 18-21	6/2023

37	Phân tích đặc trưng một số bê tông xi măng tiên tiến	2	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 7, Trang 23-29	7/2023
38	Đánh giá ổn định của mái dốc taluy được gia cố bằng công nghệ tường đinđê đất dưới tác động địa chấn	1	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 9, Trang 45-48	9/2023
39	An Analytical Approach for Buckling of FG Cylindrical Nanopanel Resting on Pasternak's Foundations in the Thermal Environment DOI: 10.4208/aamm.OA-2021-0289 xxx 2023	5		Advances in Applied Mathematics and Mechanics Adv. Appl. Math. Mech., Vol. xxx, No. x, pp. 1-25	SCIE, Scopus Q2		pp. 1-25	9/2023
40	Một số yếu tố chính ảnh hưởng đến sự phân tán của graphene oxit trong vữa xi măng	1	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 10, Trang 39-42	10/2023
41	Ảnh hưởng của graphene oxide đến khả năng làm việc của vữa xi măng	1	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 3, Trang 90-93	3/2024
42	Tối ưu hóa trong thực nghiệm bằng phương pháp đáp ứng bề mặt	1	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 6, Trang 32-37	6/2024
43	Effects of Fly Ash and Graphene Oxide in Cement Mortar Considering the Local Recycled Material Context https://doi.org/10.3390/app14146140	9	Tác giả chính	Applied Sciences	SCIE, IF =3, Q1	3		2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

44	Phân tích tác động kinh tế và kỹ thuật của việc tăng chiều cao tính không đường bộ tại Việt Nam	4	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 1+2, Trang 54-60	1/2025
45	Một số yếu tố ảnh hưởng thiết kế biển báo hiệu đường bộ	2	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 3, 67-70	3/2025
46	Tăng cường an toàn giao thông qua hệ thống biển báo tĩnh không đường bộ: so sánh quốc tế và đề xuất cho Việt Nam	2	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 4, 54-61	4/2025
47	Ứng dụng của bê tông tự lèn có graphene oxide và tro bay trong công trình giao thông	1	Tác giả chính	Tạp chí xây dựng, Bộ xây dựng, ISSN 2734-9888, số 4/2025			Số 4, 219-221	4/2025
48	The influence of GrapheneOxide (GO) and Fly Ash (FA) on the workability and mechanical properties of self-compacting concrete https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2025.en.5.2.1-18	5	Tác giả chính	<u>Journal of Science and Transport Technology (JSTT)</u> (E-ISSN: 2734-9950)	Scopus		Vol. 5 No. 2, pages 1-18	2025
49	Đề xuất hướng nghiên cứu nâng cao chất lượng màng phản quang cho biển báo giao thông	3	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 5, 54-60	5/2025
50	Nâng cao năng lực thông hành và an toàn giao thông Đường cao tốc Việt Nam dựa trên chỉ số hiệu suất vận hành	2	Tác giả chính	Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 6, 118-126	6/2025

- Trong đó: Có 05 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 9,10,31,43,48

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:
Không

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): UV không bị thiếu.

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): UV không bị thiếu.

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): UV không bị thiếu.

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): UV không bị thiếu.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT: UV không bị thiếu.

+ Đã hướng dẫn chính 11 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: UV không bị thiếu.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 02 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: UV không bị thiếu.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thu Nga